

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ M
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 4 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG

- **T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Nga;
- Bà Nguyễn Thị Ly.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 218/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị M D, sinh năm 1995; địa chỉ: số 516, đường Hùng Vương, khóm Thượng 1, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng N, tỉnh Đồng T; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp Tấn L, xã Tấn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; (có mặt).

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Phan Thị M D trình bày: Bà và ông Nguyễn Trung T Bà do quen biết và tự tìm hiểu nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2014, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật tại Ủy ban nhân dân xã Tấn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang vào ngày 06/3/2014. Về quan hệ hôn nhân thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; nên không còn sống chung từ giữa năm 2020 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tồn tại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông T.

- *Về quan hệ con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04/11/2014 và Nguyễn Minh Đạt, sinh ngày 16/4/2018. Hiện 02 con đang sống chung với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi hai con chung. Bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Về quan hệ nợ chung*: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Trung T trình bày: thống nhất với bà D về thời gian sống chung và thời gian không còn sống chung nay bà D xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn theo đơn khởi của bà Phan Thị M D.

- *Về quan hệ con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04/11/2014 và Nguyễn Minh Đạt, sinh ngày 16/4/2018. Hiện 02 con đang sống chung với bà D. Sau khi ly hôn ông đồng ý để bà D tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04/11/2014. Ông yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Minh Đạt, sinh ngày 16/4/2018; không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết;

- *Về quan hệ nợ chung*: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị M D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn ông Nguyễn Trung T trình bày và đồng ý ly hôn với bà Phan Thị M D.

- *Về quan hệ con chung*: Sau khi ly hôn ông đồng ý để bà D tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04/11/2014. Ông yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Minh Đạt, sinh ngày 16/4/2018; không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về quan hệ nợ chung*: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội D vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị M D với ông Nguyễn Trung T.

- *Về quan hệ con chung:* Bà Phan Thị M D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04/11/2014 và Nguyễn Minh Đạt, sinh ngày 16/4/2018. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung do bà Phan Thị M D rút lại yêu cầu.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung:* Ghi nhận bà Phan Thị M D và ông Nguyễn Trung T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà D và ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà D và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Phan Thị M D khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Nguyễn Trung T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ M thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền.

[2] *Về nội D vụ án:* Bà Phan Thị M D và ông Nguyễn Trung T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2014 ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn của ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo bà D trình bày mâu thuẫn phát sinh từ việc vợ chồng không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, trong thời gian chung sống thường xảy ra bất hòa do ông T thường xuyên ăn nhậu không lo cuộc sống chung của vợ chồng; cả hai đã cố gắng tìm cách hàn gắn vẫn nhưng không thể chung sống với nhau được nữa và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: bà Phan Thị M D xin ly hôn, do cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được bà Phan Thị M D khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Trung T. Ông T cũng

thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa ông với bà D không thể hàn gắn được. Nay, bà D khởi kiện xin ly hôn với ông. Ông đồng ý theo đơn khởi kiện của bà D. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị M D với ông Nguyễn Trung T.

- *Về quan hệ con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04/11/2014 và Nguyễn Minh Đạt, sinh ngày 16/4/2018, hiện hai con đang sống chung với bà D. Sau khi ly hôn ông T đồng ý để bà D tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04/11/2014 và yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Minh Đạt, sinh ngày 16/4/2018; không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ngày 15/3/2023 ghi nhận ý kiến đối với cháu Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04/11/2014 thì nguyện vọng cháu Minh Ngọc khi ba mẹ không còn sống chung với nhau nữa thì cháu Minh Ngọc mong muốn sống chung với mẹ là bà Phan Thị M D.

Riêng đối với con chung tên Nguyễn Minh Đạt, sinh ngày 16/4/2018 hiện tại đang sống chung với bà D; sau khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi và ông T cũng yêu cầu được nuôi do đó làm phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, từ khi bà D, ông T không còn sống chung từ năm 2020 thì bà D vẫn đảm bảo về điều kiện vật chất và tạo điều kiện về ăn ở, sinh hoạt và học tập ổn định cho 02 cháu Minh Ngọc và Minh Đạt. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu Nguyễn Thị Minh Ngọc và cháu Nguyễn Minh Đạt phát triển tốt về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý phát triển tốt. Căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao 02 con chung cho bà D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông Nguyễn Trung T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì L ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Phan Thị M D và ông Nguyễn Trung T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của

bà D và ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà D và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M D.
- 2) *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị M D với ông Nguyễn Trung T.
Giấy chứng nhận kết hôn số 741 ngày 06/3/2014 do Ủy ban nhân dân xã tán M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp cho bà Phạm Thị Kiều Tiên và ông Nguyễn Trung T. Không còn giá trị pháp lý.
- 3) *Về quan hệ con chung*: Bà Phan Thị M D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04/11/2014 và Nguyễn Minh Đạt, sinh ngày 16/4/2018. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
Ông Nguyễn Trung T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện quyền này.
Vì L ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.
- 4) Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; do bà Phan Thị M D rút lại yêu cầu.
- 5) *Về quan hệ tài sản chung*: Bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xét đến.

6) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Phan Thị M D và ông Nguyễn Trung T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà D và ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà D và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

7) *Về án phí*: Bà Phan Thị M D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013068 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà D đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Trung T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

8) *Về quyền kháng cáo*: Bà Phan Thị M D và ông Nguyễn Trung T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Thanh

Chợ M, ngày 21 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: Tranh chấp về “ly hôn, nuôi con chung” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị M D, sinh năm 1995; địa chỉ: số 516, đường Hùng Vương, khóm Thượng 1, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng N, tỉnh Đồng T;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp Tấn L, xã Tấn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang;

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;
2. Bà Nguyễn Thị Ly.

NỘI D

Sau khi thảo luận, biểu quyết Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 tất cả các nội D sau:

Căn cứ vào,

- Các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M D.
- 2) *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị M D với ông Nguyễn Trung T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 741 ngày 06/3/2014 do Ủy ban nhân dân xã tấn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp cho bà Phạm Thị Kiều Tiên và ông Nguyễn Trung T. Không còn giá trị pháp lý.

3) *Về quan hệ con chung*: Bà Phan Thị M D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 04/11/2014 và Nguyễn Minh Đạt, sinh ngày 16/4/2018. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Trung T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nom và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì L ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4) Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; do bà Phan Thị M D rút lại yêu cầu.

5) *Về quan hệ tài sản chung*: Bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xét đến.

6) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Phan Thị M D và ông Nguyễn Trung T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà D và ông T trong thời kỳ hôn nhân thì bà D và ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

7) *Về án phí*: Bà Phan Thị M D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013068 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà D đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Trung T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

8) *Về quyền kháng cáo*: Bà Phan Thị M D và ông Nguyễn Trung T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ M;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- UBND xã Tân M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh